TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **76** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 9 – 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Nhị Hường
2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST-DSST ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST-HPT ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Đ, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 05, ấp Sóc 5, xã Tân H, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm S, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ 05, ấp Sóc 5, xã Tân H, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lâm Thị Đ trình bày:

Bà Lâm Thị Đ và ông Lâm S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 06/7/2004. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng 04 năm nay ông Lâm S không đi làm mà còn thường xuyên vay tiền đánh bạc, rồi buộc bà Đ trả nợ, thường xuyên uống rượu về nhà đánh vợ con. Từ

tháng 2 năm 2022 bà Đ đã thuê nhà ở riêng, không sống cùng S nữa. Đến nay, ông S vẫn không có gì thay đổi nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông S.

Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung là Lâm B, sinh ngày 02/7/2003; Lâm Thị H, sinh ngày 06/8/5005, Lâm Thị N, sinh ngày 17/10/2006. Hiện nay cả ba con đều ở cùng bà Lâm Thị Đ. Con chung Lâm B đã lớn và đã đi làm. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu nuôi hai con Lâm Thị H và Lâm Thị N, không yêu cầu ông Lâm S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà Lâm Thị Đ và ông Lâm S tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Bị đơn Lâm S: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm S tuy được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Đ và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Lâm Thị Đ được ly hôn với ông Lâm S. Giao 02 con chung Lâm Thị H và Lâm Thị N cho bà Lâm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà Đ không yêu cầu nên ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lâm Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm S có nơi cư trú tại xã Tân H, huyện Hớn Q, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Lâm S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lâm S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Đ yêu cầu ly hôn do ông Lâm S không đi làm mà còn thường xuyên vay tiền đánh bạc, rồi buộc bà Đ trả nợ, thường xuyên uống rượu về nhà đánh vợ con. Từ tháng 2 năm 2022 bà Đ đã thuê nhà ở riêng đến nay. Theo thông tin do chính quyền địa phương cung cấp thì bà Đ và ông S hiện nay không còn sống cùng nhau, như vậy có thể xác định mâu thuẫn giữa bà Đ và ông S là có thật. Ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương lẫn nhau, cùng lo kinh tế gia đình, chăm sóc con cái, nhưng giữa bà S và ông Đ hiện nay không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[3] Về con chung: Con chung Lâm Thị H, sinh ngày 06/8/5005, Lâm Thị N, sinh ngày 17/10/2006 đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung Lâm Thị H và Lâm Thị N cho bà Lâm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đ không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Đ ly hôn với ông Lâm S

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 06/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai con chung Lâm Thị H, sinh ngày 06/8/5005, Lâm Thị N, sinh ngày 17/10/2006 cho bà Lâm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lâm Thị Đ không yêu cầu ông Lâm S cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Đ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013915 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy